

Mã đề thi: 179

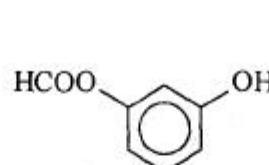
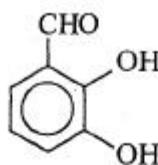
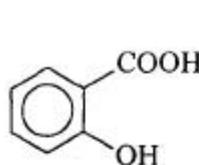


hoahocphothong.vn
Phạm Ngọc Dũng

Họ và tên học sinh:.....

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (Từ câu 1 đến câu 40)

Câu 1: Cho 2,76 gam chất hữu cơ X phản ứng vừa đủ với 30ml dung dịch NaOH 2M. Chất nào sau đây thỏa mãn tính chất của X?



A.

B.

C.

D.

Câu 2: Cho 0,1 mol CH₃COOH vào cốc chứa 30ml dung dịch ROH 20% ($d=1,2\text{g/ml}$, R là một kim loại nhóm IA). Cố cạn dung dịch sau phản ứng, rồi đốt cháy hoàn toàn chất rắn khan còn lại. Sau khi đốt cháy thì còn lại 9,54 gam chất rắn và có m gam hỗn hợp gồm CO₂, hơi nước bay ra. Giá trị của m là

- A. 7,54 gam. B. 8,26 gam. C. 9,3 gam. D. 10,02 gam.

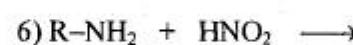
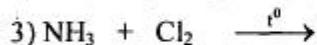
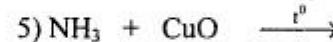
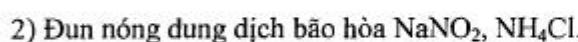
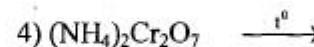
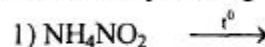
Câu 3: Có 2 anken X, Y là đồng đẳng liên tiếp nhau, trong đó $M_Y > M_X$. Hiđrat hóa hỗn hợp X, Y có H₂SO₄ làm xúc tác, tạo ra hỗn hợp gồm 3 ancol. Đốt cháy hoàn toàn 1,94 gam hỗn hợp ancol, thu được 2,24 lít khí CO₂ (dktc). Vậy

- A. Y là but-2-en. B. X là etilen. C. Y là propen. D. Y là isobutene.

Câu 4: Có một hỗn hợp khí X gồm etilen và axetilen. Nếu cho V lít khí X phản ứng với dung dịch AgNO₃/NH₃ dư thì tạo ra 9,6 gam kết tủa. Mặt khác nếu cho V lít khí X như trên phản ứng hết với dung dịch brom thì khối lượng bình dụng dung dịch brom tăng 2,72 gam. Đốt cháy hết V lít hỗn hợp khí X và dẫn sản phẩm cháy vào cốc chứa 100 ml dung dịch NaOH 1,5M thì muối tạo thành trong dung dịch và số mol thu được là

- A. NaHCO₃ và 0,15 mol. B. Na₂CO₃ và 0,075 mol.
C. Na₂CO₃ và 0,2 mol. D. hỗn hợp Na₂CO₃; 0,075 mol và NaHCO₃ 0,15 mol.

Câu 5: Cho các phản ứng sau:



Số phản ứng tạo ra đơn chất Nitơ là

- A. 6. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 6: Chia 46,84 gam hỗn hợp X gồm Al₂O₃, Fe₃O₄, CuO thành 2 phần bằng nhau. Phần 1 phản ứng vừa đủ với 390ml dung dịch HCl 2M. Cho phần 2 phản ứng với H₂SO₄ loãng vừa đủ. Số gam muối sunfat khan thu được là

- A. 44,87 gam. B. 51,11 gam. C. 54,62 gam. D. 61,64 gam.

Câu 7: Cho sơ đồ các phản ứng sau:



Những phản ứng có tính chất thuận nghịch là

- A. (3). B. (1), (3). C. (1), (2), (3). D. (1), (2), (3), (4).

Câu 8: Hòa tan hỗn hợp X gồm FeCl₃ và Cu vào cốc nước, khuấy đều cho phản ứng hoàn toàn. Sau phản ứng, lọc được 1 gam chất rắn không tan và dung dịch Y. Điện phân dung dịch Y tới khi trong dung dịch hết Cl⁻, thi ờ anot thoát ra 3,36 lít khí (dktc). Số gam hỗn hợp X ban đầu là

- A. 16,25 gam. B. 17,25 gam. C. 19,45 gam. D. 20,45 gam.

Câu 9: Hòa tan NaCl vào dung dịch NH₃ 20% đến bão hòa, sau đó sục khí CO₂ dư vào dung dịch, thu được chất X kết tủa. Vậy X là

- A. NaHCO₃. B. NH₄HCO₃. C. Na₂CO₃. D. NH₄Cl.

Câu 10: Hòa tan 4,5 gam glucozơ vào nước, sau đó thêm 3,2 gam Br₂ vào dung dịch thu được dung dịch X. Thêm lượng dư NaHCO₃ vào X thì thể tích khí thoát ra ở điều kiện tiêu chuẩn là

- A. 1,344 lít. B. 0,896 lít. C. 0,448 lít. D. 0,224 lít.

Câu 11: Đun nóng m gam hỗn hợp có số mol bằng nhau của glucozơ, fructozơ, saccrozơ, mantozơ trong dung dịch H₂SO₄ loãng. Sau phản ứng thêm lượng dư dung dịch AgNO₃/NH₃, tạo ra 12,96 gam Ag. Vậy m có giá trị là

- A. 10,44 gam. B. 7,02 gam. C. 5,22 gam. D. 5,04 gam.

Câu 12: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



Vậy khí T là

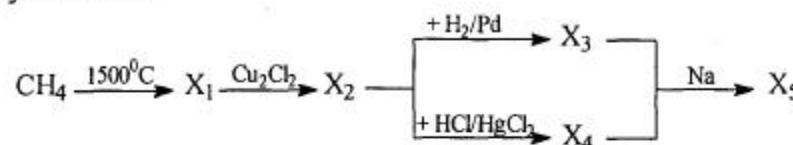
- A. CO₂. B. CH₄. C. hỗn hợp CO₂ và Cl₂. D. C₆H₅COOH.

Câu 13: Cho CH_3Br phản ứng với NH_3 , sản phẩm amin tạo ra là

- A. CH_3NH_2 .
- B. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$
- C. $(\text{CH}_3)_3\text{N}$.

- D. hỗn hợp CH_3NH_2 , $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$, $(\text{CH}_3)_3\text{N}$.

Câu 14: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



Trong sơ đồ trên, X_5 là

- A. Cao su Cloropren.
- B. Cao su Buna.
- C. Cao su thiên nhiên.
- D. $(-\text{CH}_2-\text{CH}=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CCl}=\text{CH}-\text{CH}_2-)_n$.

Câu 15: Cho mỗi chất: K, Ba, Al, Zn, Al_2O_3 , ZnO vào dung dịch NaOH . Những chất có phản ứng với dung dịch NaOH là

- A. Al, Zn, Al_2O_3 , ZnO .
- B. Al, Al_2O_3 .
- C. Al, Al_2O_3 , ZnO .
- D. tất cả các chất đã cho.

Câu 16: Hòa tan $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ vào nước thành dung dịch X có nồng độ 0,1M. Thêm lượng dư axit HCl đặc vào X đến khi phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch Y. Trong dung dịch Y có chứa các muối là

- A. FeCl_2 .
- B. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ và FeCl_3 .
- C. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ và FeCl_2 .
- D. FeCl_3 .

Câu 17: Kim loại phản ứng được với Nitơ ở ngay nhiệt độ thường là

- A. Li.
- B. K, Na.
- C. Al, Mg.
- D. tất cả các kim loại kiềm.

Câu 18: Có một hỗn hợp X gồm Al và Fe. Nếu cho hỗn hợp X tác dụng hết với dung dịch NaOH dư, tạo ra 3,36 lít khí (dktc). Một khác nếu cho hỗn hợp X tác dụng hết với axit HCl dư thì được 6,72 lít khí (dktc). Số gam hỗn hợp X ban đầu là

- A. 8,3 gam.
- B. 9,65 gam.
- C. 11,1 gam.
- D. 19,5 gam.

Câu 19: Có dung dịch NaCl bão hòa ở 35°C . Cho quặng Xinvinit vào dung dịch đó, đun sôi, rồi lọc tách riêng phần không tan khi dung dịch còn nóng. Lấy phần dung dịch đem để nguội tới 35°C , được chất X kết tinh là

- A. NaCl .
- B. KCl .
- C. MgCl_2 .
- D. CaCl_2 .

Câu 20: Hợp chất X là diaxit có khối lượng mol bằng 116 gam. Khi bị đun nóng tới 120°C thì X biến thành Y có khối lượng mol bằng 98 gam. Vậy X là

- A. axit malic.
- B. axit maleic.
- C. axit fumaric.
- D. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{COOH})_2$.

Câu 21: Đun nóng hỗn hợp gồm Glixin, Phenylalanin, Tyrosin, Valin và Alanin tạo ra pentapeptit có chứa các gốc amino axit khác nhau. Số lượng pentapeptit có thể được tạo ra là

- A. 120.
- B. 60.
- C. 15.
- D. 50.

Câu 22: Cho axit axetic phản ứng với mỗi chất: C_2H_2 , CuO , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$), $\text{Cu}(\text{OH})_2$. Số chất có phản ứng với axit axetic là

- A. 4 chất.
- B. 3 chất.
- C. 2 chất.
- D. 1 chất.

Câu 23: Trong số các chất: CH_3COOH , HCOOH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$, $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$ thì chất có lực axit (tính axit) mạnh nhất là

- A. HCOOH .
- B. CH_3COOH .
- C. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$.
- D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 24: Trong số các hidrocacbon có tỉ khối so với H_2 bằng 20, thì số lượng chất làm mất màu dung dịch thuốc tím là

- A. 1 chất.
- B. 2 chất.
- C. 3 chất.
- D. 4 chất.

Câu 25: Điện phân 500ml dung dịch NaCl 1M có màng ngăn, điện cực trợ trợ khí ở anot thoát ra 17,92 lít khí (dktc) thì ngừng điện phân. Khối lượng dung dịch bị giảm đi do khí thoát ra là

- A. 56,8 gam.
- B. 38,05 gam.
- C. 35,35 gam.
- D. 18,25 gam.

Câu 26: Cho các cặp oxi hóa khử sau: $\text{Cu}^{2+}/\text{Cu} < \text{Fe}^{3+}/\text{Fe}^{2+} < \text{Ag}^+/\text{Ag}$.

Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Fe^{2+} khử được Cu^{2+} thành Cu.
- B. Ag^+ oxi hóa được Fe^{2+} thành Fe^{3+} .
- C. Ag^+ khử được Fe^{3+} thành Fe^{2+} .
- D. Fe^{2+} oxi hóa được Cu thành Cu^{2+} .

Câu 27: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm Kali và Bari vào nước, thu được 3,2 lít dung dịch X và 3,584 lít khí H_2 (dktc). Giá trị pH của dung dịch X là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 13.
- D. 12.

Câu 28: Cấu hình electron nào sau đây là đúng?

- 1) $\text{Fe} : 1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^6 4s^2$.
- 2) $\text{Fe} : 1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2 3d^6$.
- 3) $\text{Fe}^{2+} : 1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^6$.
- 4) $\text{Fe}^{3+} : 1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5$.
- A. (2).
- B. (2), (3), (4).
- C. (1), (3), (4).
- D. (1), (2), (3), (4).

Câu 29: Dung dịch nước vôi trong có các đặc tính nào sau đây?

- 1) Có nồng độ $\text{C}\% = 0,12\%$; $\text{C}_M = 0,02\text{M}$.
- 2) Phản ứng được với dung dịch Xođa.
- 3) Có ứng dụng làm trong nước đục.
- 4) Không có khả năng làm mềm nước có độ cứng tạm thời.
- A. (1), (2).
- B. (1), (2), (4).
- C. (1), (2), (3), (4).
- D. (2), (3), (4).

Câu 30: Trong dung dịch CH_3COOH 0,1M thì độ điện li của axit bằng 1%. Vậy pH của dung dịch đó là

- A. 3.
- B. 2.
- C. 1,5.
- D. 1.

Câu 31: Hợp chất C_7H_9N tạo kết tủa với dung dịch nước brom, khi phản ứng với axit nitơ không tạo ra khí. Chất đó có thể là

- A. Anilin. B. $C_6H_5-NHCH_3$. C. m-Toluidin. D. Benzenamin

Câu 32: Cho phenol tác dụng với lượng dư CH_2O với xúc tác kiềm, thu được sản phẩm hữu cơ X

- A. là polyme mạch thẳng. B. thuộc loại poliancol.
C. thuộc loại poliphenol. D. là chất cao phân tử có cấu tạo mạng không gian.

Câu 33: Trong số các chất: Anilin, p-Toluidin, amoniac, methylamin, dimethylamin thì bazơ mạnh nhất là

- A. amoniac. B. dimethylamin. C. methylamin. D. p-toluidin.

Câu 34: Hidrocacbon X có công thức phân tử $C_{12}H_{10}$ không làm mất màu dung dịch $KMnO_4$ ở nhiệt độ thường và cả khi đun nóng. Cho X phản ứng với HNO_3/H_2SO_4 thu được sản phẩm $C_{12}H_9NO_2$. Số lượng chất $C_{12}H_9NO_2$ có thể tạo ra là

- A. 1 chất. B. 2 chất. C. 3 chất. D. 6 chất.

Câu 35: Để tách riêng và giữ nguyên lấy lượng Ag ra khỏi hỗn hợp gồm Ag, Cu, Fe, Al, Zn, chỉ cần một hóa chất là dung dịch

- A. HCl. B. $FeCl_3$. C. HNO_3 . D. $AgNO_3$.

Câu 36: Hoà tan hoàn toàn 3,48 gam $FeCO_3$ vào lượng dư dung dịch axit HNO_3 loãng. Thể tích khí không màu thoát ra ở dktc là

- A. 1,344 lít. B. 0,896 lít. C. 0,672 lít. D. 0,224 lít.

Câu 37: Các chất $AgCl$, $AgBr$, AgI đều không tan trong nước, trong đó chất tan được trong dung dịch NH_3 là

- A. $AgCl$. B. $AgBr$. C. AgI . D. Tất cả 3 chất đó.

Câu 38: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp gồm số mol bằng nhau của FeS_2 và Ag_2S , thu được chất rắn X và 3,36 lít khí SO_2 (dktc). Khối lượng chất rắn X thu được là

- A. 13,6 gam. B. 14,8 gam. C. 15,6 gam. D. 15,2 gam.

Câu 39: Nhận định nào sau đây là đúng?

- 1) Quặng Đô-lo-mit có thành phần $CaCO_3 \cdot MgCO_3$ và được dùng trong luyện gang, luyện thép để làm chất cháy loại bắn quặng chứa Silic.
 - 2) Magie có trong thành phần của các hợp kim như Đuyra.
 - 3) Magie bị cháy trong khí quyển CO_2 .
 - 4) Magie oxit không được dùng trong điện phân nóng chảy điều chế Mg.
- A. (2), (3). B. (2), (3), (4). C. (1), (2), (3). D. (1), (2), (3), (4).

Câu 40: Hợp chất hữu cơ X có công thức $C_xH_yO_2$, có khối lượng mol bằng 136 gam. Cứ 2,72 gam chất X phản ứng vừa hết với 40 ml dung dịch $NaOH$ 1M tạo ra muối và 0,36 gam nước. Chất X là

- A. hidroquinon. B. axit salicylic. C. di phenol. D. axetat phenyl.

PHẦN RIÊNG: Thí sinh chỉ được chọn một trong hai phần dưới đây:

Phần 1: Dành cho thí sinh ban Cơ bản (Từ câu 41 đến câu 50).

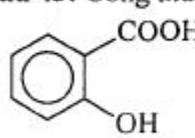
Câu 41: Đun nóng Toluen với dung dịch $KMnO_4$ tới khi hết màu tím. Thêm lượng dư axit HCl đặc vào hỗn hợp sau phản ứng thấy thoát ra 4,48 lit khí (dktc). Vậy số mol axit HCl đã tham gia phản ứng là

- A. 1,0 lít. B. 0,9 lít. C. 0,8 lít. D. 0,7 lít.

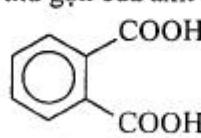
Câu 42: Cho thế điện cực chuẩn: $E_{Ag^+/Ag}^0 = +0,80V$; $E_{Sn^{2+}/Sn}^0 = -0,14V$. Suất điện động chuẩn của pin điện hóa Sn-Ag là

- A. 0,79V. B. 0,66V. C. 0,94V. D. 1,09V.

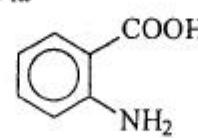
Câu 43: Công thức cấu tạo thu gọn của axit salicylic là



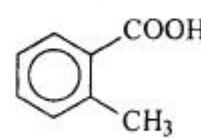
A.



B.



C.

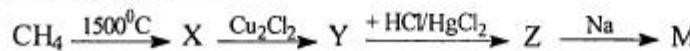


D.

Câu 44: Nhỏ giọt từ từ 500 ml dung dịch hỗn hợp gồm Na_2CO_3 0,21 M và $KHCO_3$ 0,18 M vào cốc chứa 100 ml dung dịch HCl 1,5M, thu được V lít khí bay ra ở dktc. Giá trị của V là

- A. 2,184 lít. B. 1,008 lít. C. 1,176 lít. D. 1,68 lít.

Câu 45: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



Trong sơ đồ trên M là

- A. C_8H_{10} . B. Stiren. C. Cao su cloropren. D. Cao su Buna.

Câu 46: Có các kim loại: Al, Fe, Cr và Cu. Kim loại không tan trong axit HNO_3 đặc ngoại và H_2SO_4 đặc ngoại là

- A. Al. B. Cu. C. Al, Fe, Cr. D. Al, Fe.

Câu 47: Hòa tan hỗn hợp X gồm $NaCl$ và Na_2CO_3 vào nước, sau đó thêm axit HCl vừa đủ vào dung dịch thu được 4,48 lít khí (dktc) và dung dịch Y. Thêm lượng dư dung dịch $AgNO_3$ vào Y, tạo ra 100,45 gam kết tủa. Số mol $NaCl$ có trong hỗn hợp X ban đầu là

- A. 0,7 mol. B. 0,4 mol. C. 0,3 mol. D. 0,2 mol.

Câu 48: Hòa tan a gam hỗn hợp fructozơ và mantozơ vào nước, rồi chia dung dịch thành 2 phần bằng nhau.

- Cho phần 1 phản ứng hết với lượng dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ thu được 4,32 gam Ag.

- Đun nóng phần 2 với dung dịch axit loãng, sau đó cho phản ứng hết với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ thu được 6,48 gam Ag. Vậy số gam a đã dùng là

- A. 10,44 gam. B. 5,22 gam. C. 6,48 gam. D. 3,6 gam.

Câu 49: Có các dung dịch: nước brom (1), KMnO_4 (2), $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ (3) và nước vôi trong (4). Khí SO_2 có thể phản ứng được với các dung dịch

- A. (1), (2), (3), (4). B. (1), (2), (4). C. (1), (2). D. (4).

Câu 50: Trong số các amin no, đơn chức, khối lượng mol bằng 73, có bao nhiêu chất không phản ứng với HNO_2 ?

- A. 1 chất. B. 2 chất. C. 3 chất. D. Không có chất nào.

Phần 2: Dành cho thí sinh ban Nâng cao (Từ câu 51 đến câu 60).

Câu 51: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



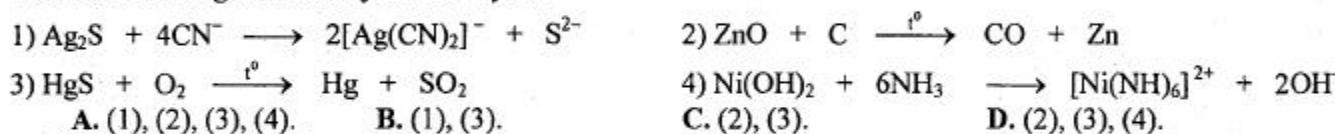
Vậy chất X là

- A. 1-brom-2-phenylpropen. B. 3-brom-2-phenylpropen.
C. p-bromisopropenylbenzen. D. o-bromisopropenylbenzen.

Câu 52: Cho dòng khí CO đi qua ống sứ chứa 6,4 gam Fe_2O_3 đốt nóng, được chất rắn X còn lại trong ống. Dẫn khí ra khỏi ống vào bình đựng lượng dư nước vôi trong, thu được 3 gam kết tủa. Hòa tan hết X vào lượng dư dung dịch HNO_3 1M, thấy bay ra khí NO là sản phẩm khử duy nhất. Thể tích dung dịch HNO_3 đã phản ứng với X là

- A. 260 ml. B. 240 ml. C. 160 ml. D. 80 ml.

Câu 53: Phản ứng nào sau đây có thể xảy ra?



Câu 54: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



Vậy chất M là

- A. C_2H_2 . B. CH_3-CH_3 . C. CH_3CHO . D. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.

Câu 55: Trong số các chất: Cu, KI, H_2S , KSCN. Chất nào khi được cho vào dung dịch muối Fe^{3+} thì không có sự khử Fe^{3+} thành Fe^{2+} ?

- A. H_2S . B. KSCN. C. KI, KSCN. D. KI, H_2S , KSCN.

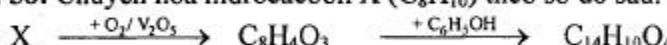
Câu 56: Cho hỗn hợp X gồm CH_4 , C_2H_4 và C_2H_2 . Lấy 8,6 gam X tác dụng hết với dung dịch brom (dư) thì khối lượng brom phản ứng là 48 gam. Mặt khác, nếu cho 13,44 lit (ở dktc) hỗn hợp khí X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 36 gam kết tủa. Phần trăm thể tích của CH_4 có trong X là

- A. 40%. B. 20%. C. 25%. D. 50%.

Câu 57: Cho mỗi kim loại Fe, Ag, Pb và Cu tác dụng với dung dịch HCl, dung dịch H_2SO_4 loãng. Kim loại không tác dụng là

- A. Pb, Cu, Ag. B. Cu, Ag. C. Cu. D. Ag.

Câu 58: Chuyển hóa hiđrocacbon X (C_8H_{10}) theo sơ đồ sau:



Vậy chất X là

- A. Naphtalen. B. o-Xilen C. Dimetylbenzen D. Etylbenzen.

Câu 59: Hòa tan $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$ vào cốc nước, sau đó thêm lượng dư dung dịch NaOH vào cốc, rồi lại thêm tiếp brom vào cốc tới khi vừa đủ phản ứng hết với hợp chất của Crom, thu được dung dịch X có môi trường kiềm mạnh. Màu của dung dịch X là

- A. màu xanh. B. màu vàng. C. màu da cam. D. không màu.

Câu 60: Đun nóng axit malic (axit táo: $\text{HOOC}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{OH})-\text{COOH}$) thu được chất hữu cơ X có khối lượng mol bằng 116 gam. Số lượng hợp chất có thể là X là

- A. 1 chất. B. 2 chất. C. 3 chất. D. 4 chất.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHTN

Trường THPT Chuyên KHTN

ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC MÔN HÓA HỌC LỚP 12 – 1112

Ngày thi: 27-11-2011

Mã đề thi: 135

Câu 1: A.	Câu 2: B.	Câu 3: A.	Câu 4: D.	Câu 5: D.
Câu 6: C.	Câu 7: C.	Câu 8: B.	Câu 9: C.	Câu 10: A.
Câu 11: C.	Câu 12: A.	Câu 13: C.	Câu 14: B.	Câu 15: B.
Câu 16: B.	Câu 17: A.	Câu 18: D.	Câu 19: B.	Câu 20: B.
Câu 21: A.	Câu 22: C.	Câu 23: C.	Câu 24: C.	Câu 25: A.
Câu 26: D.	Câu 27: A.	Câu 28: B.	Câu 29: B.	Câu 30: A.
Câu 31: A.	Câu 32: D.	Câu 33: C.	Câu 34: D.	Câu 35: A.
Câu 36: B.	Câu 37: D.	Câu 38: A.	Câu 39: B.	Câu 40: A.
Câu 41: C.	Câu 42: A.	Câu 43: C.	Câu 44: A.	Câu 45: C.
Câu 46: A.	Câu 47: A.	Câu 48: C.	Câu 49: A.	Câu 50: A.
Câu 51: B.	Câu 52: A.	Câu 53: B.	Câu 54: A.	Câu 55: A.
Câu 56: C.	Câu 57: B.	Câu 58: C.	Câu 59: B.	Câu 60: D.

Mã đề thi: 157

Câu 1: D.	Câu 2: C.	Câu 3: C.	Câu 4: A.	Câu 5: A.
Câu 6: A.	Câu 7: B.	Câu 8: C.	Câu 9: D.	Câu 10: A.
Câu 11: C.	Câu 12: A.	Câu 13: A.	Câu 14: D.	Câu 15: C.
Câu 16: D.	Câu 17: A.	Câu 18: D.	Câu 19: B.	Câu 20: B.
Câu 21: C.	Câu 22: C.	Câu 23: B.	Câu 24: B.	Câu 25: C.
Câu 26: A.	Câu 27: A.	Câu 28: A.	Câu 29: A.	Câu 30: A.
Câu 31: B.	Câu 32: A.	Câu 33: B.	Câu 34: B.	Câu 35: C.
Câu 36: B.	Câu 37: D.	Câu 38: B.	Câu 39: B.	Câu 40: D.
Câu 41: C.	Câu 42: A.	Câu 43: A.	Câu 44: A.	Câu 45: C.
Câu 46: C.	Câu 47: A.	Câu 48: C.	Câu 49: A.	Câu 50: A.
Câu 51: A.	Câu 52: C.	Câu 53: B.	Câu 54: B.	Câu 55: B.
Câu 56: C.	Câu 57: A.	Câu 58: D.	Câu 59: A.	Câu 60: B.

Mã đề thi: 179

Câu 1: C. ✗	Câu 2: B.	Câu 3: A.	Câu 4: A.	Câu 5: A. ✗
Câu 6: C.	Câu 7: C. ✗	Câu 8: D.	Câu 9: A. ✗	Câu 10: A. ✗
Câu 11: A.	Câu 12: C.	Câu 13: D.	Câu 14: D.	Câu 15: D.
Câu 16: B. ✗	Câu 17: A. ✗	Câu 18: C.	Câu 19: B. ✗	Câu 20: B.
Câu 21: A. ✗	Câu 22: A. ✗	Câu 23: A.	Câu 24: C.	Câu 25: B.
Câu 26: B.	Câu 27: C.	Câu 28: C.	Câu 29: A. ✗	Câu 30: A.
Câu 31: B.	Câu 32: D. ✗	Câu 33: B.	Câu 34: C. ✗	Câu 35: B.
Câu 36: B.	Câu 37: A. ✗	Câu 38: B.	Câu 39: D. ✗	Câu 40: D.
Câu 41: A. ✗	Câu 42: C.	Câu 43: A. ✗	Câu 44: A. ✗	Câu 45: C.
Câu 46: C.	Câu 47: C.	Câu 48: A.	Câu 49: A.	Câu 50: A. ✗
Câu 51: B.	Câu 52: A.	Câu 53: A.	Câu 54: C.	Câu 55: B.
Câu 56: D.	Câu 57: A.	Câu 58: B.	Câu 59: B.	Câu 60: C.

Mã đề thi: 193

Câu 1: D.	Câu 2: A.	Câu 3: C.	Câu 4: C.	Câu 5: A.
Câu 6: A.	Câu 7: B.	Câu 8: A.	Câu 9: B.	Câu 10: C.
Câu 11: C.	Câu 12: B.	Câu 13: B.	Câu 14: A.	Câu 15: C.
Câu 16: D.	Câu 17: A.	Câu 18: D.	Câu 19: D.	Câu 20: D.
Câu 21: C.	Câu 22: A.	Câu 23: B.	Câu 24: C.	Câu 25: C.
Câu 26: B.	Câu 27: A.	Câu 28: A.	Câu 29: A.	Câu 30: A.
Câu 31: B.	Câu 32: D.	Câu 33: B.	Câu 34: A.	Câu 35: C.
Câu 36: B.	Câu 37: D.	Câu 38: B.	Câu 39: A.	Câu 40: B.
Câu 41: C.	Câu 42: A.	Câu 43: C.	Câu 44: A.	Câu 45: A.
Câu 46: A.	Câu 47: A.	Câu 48: C.	Câu 49: A.	Câu 50: C.
Câu 51: C.	Câu 52: B.	Câu 53: D.	Câu 54: A.	Câu 55: B.
Câu 56: A.	Câu 57: A.	Câu 58: B.	Câu 59: C.	Câu 60: B.